

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/DS-ST
Ngày: 03/7/2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiên
2. Bà Phạm Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tào Thị Kim L**, sinh năm 1968; Địa chỉ: **Tổ dân phố B, xã I, tỉnh Gia Lai**.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trương Văn V**, sinh năm 1981; Địa chỉ: **6 L, phường H, tỉnh Gia Lai**. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Bùi Mạnh T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **C L, phường D, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Trương Văn V** thể hiện:

Vào ngày 20/8/2020 ông **Bùi Mạnh T** có vay của bà **L** số tiền 50.000.000 đồng bằng miệng, không lập giấy tờ gì, hẹn 01 tháng trả tiền. Sau đó ông **T** không trả nên ngày 20/10/2026 ông **T** có lập Giấy vay tiền cho bà **L** giữ, hẹn trả

nợ trong thời gian hai tháng kể từ ngày vay, hai bên tự thoả thuận bằng miệng lãi suất 20%/năm. Đây là khoản tiền vay riêng không liên quan gì đến mua hàng thịt gà như ông **T** trình bày. Mặc dù bà **L** đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông **T** không trả. Vì vậy, bà **L** khởi kiện yêu cầu ông **T** phải trả tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày quá hạn trả nợ là ngày vay cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm là 28.511.416 đồng, tổng cộng 78.511.416 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm mười một nghìn, bốn trăm mười sáu đồng).

2. Bị đơn ông **Bùi Mạnh T** trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Tôi xin trình bày đây là số tiền mua hàng trước đây của đơn vị (thịt gà) và ông **T** đứng ra viết giấy nợ. Ông công nhận có nợ bà **Tào Thị Kim L** số tiền mua hàng 50.000.000 đồng. Đây là tiền mua hàng, hai bên không có thoả thuận tính lãi. Vì bà **L** không cung cấp đủ hoá đơn đỏ bán hàng nên ông không thể thanh quyết toán đầy đủ được. Hiện nay ông đang khó khăn và thất nghiệp, ông đang đi xin việc làm. Ông sẽ trả cho bà **L** số tiền 50.000.000 đồng nhưng đề nghị trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi của bà **L** thì ông không đồng ý.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà **Tào Thị Kim L** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Bùi Mạnh T**; Địa chỉ: **C L, phường D, tỉnh Gia Lai** phải trả số tiền còn nợ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 thì đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai theo quy định tại Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông **Bùi Mạnh T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà **Tào Thị Kim L** yêu cầu bị đơn ông **Bùi Mạnh T** phải trả 50.000.000 đồng nợ gốc và trả lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày quá hạn trả nợ là 21/10/2020 đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với khoản tiền gốc bị đơn ông **Bùi Mạnh T** thừa nhận còn nợ bà **Tào Thị Kim L** số tiền 50.000.000 đồng, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Đối với khoản tiền lãi: Căn cứ theo Giấy mượn tiền ngày 20/10/2020 thì ông **T** có vay tiền bà **L** số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất hai bên không ghi, hai bên thống nhất thời hạn trả nợ 02 tháng sau ngày 20/8/2020. Do đó xác định quá thời hạn trả nợ là ngày 21/10/2020. Vì trong giấy vay tiền không ghi lãi suất và bị đơn cũng không chấp nhận khoản tiền lãi vì cho rằng đây là mua hàng hoá, không phải vay tiền nhưng ông **T** không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng vay tiền, có thời hạn, không có lãi suất. Bà **L** yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày quá hạn trả nợ là ngày 21/10/2020 cho đến ngày xét xử hôm nay với lãi suất 10%/năm là có căn cứ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **L**, buộc ông **Bùi Mạnh T** phải trả cho bà **L** số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi 28.511.416 đồng, tổng cộng 78.511.416 đồng.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu của bà **Tào Thị Kim L** được chấp nhận nên bà **L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Bùi Mạnh T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 463, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Tào Thị Kim L**, cụ thể như sau:

1. Buộc ông **Bùi Mạnh T** phải trả cho bà **Tào Thị Kim L** số tiền 78.511.416 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm mười một nghìn, bốn trăm mười sáu đồng), trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi tính 28.511.416 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Ông **Bùi Mạnh T** phải chịu 3.925.571 đồng (Ba triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Tào Thị Kim L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà **L** số tiền 1.914.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003602 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (03/7/2026), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Loan Phương

